

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Sự cần thiết.....	1
2. Căn cứ cơ sở thực hiện.....	2
2.1. Căn cứ pháp lý.....	2
2.2. Tài liệu, số liệu liên quan.....	5
3. Bộ cục báo cáo.....	5
4. Sản phẩm.....	5
PHẦN I.....	5
KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	7
1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường.....	7
1.1. Điều kiện tự nhiên.....	7
1.2. Các nguồn tài nguyên.....	8
1.3. Thực trạng môi trường.....	10
2. Thực trạng phát triển - kinh tế xã hội.....	10
2.1. Thực trạng phát triển kinh tế.....	11
2.2. Dân số, lao động.....	15
2.3. Điều kiện cơ sở hạ tầng.....	16
3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn.....	18
4. Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.....	18
5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường.....	19
5.1. Thuận lợi.....	19
5.2. Khó khăn.....	20
Phần II.....	21
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023.....	21
1.1. Phân tích đất nông nghiệp.....	21
1.2. Phân tích đất phi nông nghiệp.....	24
1.3. Phân tích đất chưa sử dụng.....	30
2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước....	30
3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	31
PHẦN III LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	34

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	34
3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	43
3.4. Diện tích đất cần thu hồi.....	44
3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	45
3.6. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất.....	46
PHẦN IV GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	48
4.1. Giải pháp về tuyên truyền.....	48
4.2. Giải pháp về nguồn lực, vốn đầu tư.....	48
4.3. Giải pháp về chính sách	48
4.4. Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện	49
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	50
I. Kết luận	50
II. Kiến nghị.....	50

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết

Luật Đất đai 2013 tại Chương I, Điều 4 quy định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Điều 6 khẳng định nguyên tắc sử dụng đất là phải đảm bảo “*Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và không làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của người sử dụng đất xung quanh*”. Điều 9 nội dung khuyến khích đầu tư vào đất đai quy định “*Khai hoang, phục hóa, lấn biển, đưa diện tích đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước hoang hóa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*”. Điều 22 một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai là “*Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*”.

Kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, là căn cứ pháp lý để thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện giúp cho các cấp, các ngành sắp xếp, bố trí sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn tài nguyên đất.

Tương Dương là một huyện miền núi vùng cao nằm ở phía Tây Nam tỉnh Nghệ An, cách thành phố Vinh gần 200 km và cửa khẩu Nậm Cắn 90 km, có quốc lộ 7A đi qua. Huyện Tương Dương phía Tây giáp huyện Kỳ Sơn, phía Bắc và phía Nam giáp nước Lào; phía Đông Bắc giáp huyện Quế Phong, phía Đông giáp huyện huyện Quỳnh Châu, phía Đông Nam giáp huyện Con Cuông; có Vườn Quốc gia Pù Mát, thủy điện Bản Vẽ... Đây là tiền đề để thu hút đầu tư và phát triển du lịch dẫn đến việc dịch chuyển cơ cấu kinh tế của huyện.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Tương Dương, Do vậy, việc xây dựng lập kế hoạch đất hàng năm là rất cần thiết; đây là căn cứ quan trọng trong việc thực hiện thu hồi, giao, cho thuê chuyển mục đích sử dụng đất; tạo điều kiện để thúc đẩy dự án đầu tư phát triển xã hội, đồng thời điều hòa các mối quan hệ sử dụng đất trên địa bàn huyện. Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. UBND huyện Tương Dương đã tiến hành lập “***Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An***”.

2. Căn cứ cơ sở thực hiện

2.1. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch số 35/2018/QH13 ngày 20/11/2018;
- Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hoá ngày 18 tháng 6 năm 2009;
- Nghị quyết số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 của ủy Ban thường vụ Quốc Hội ngày 16/8/2019 nghị quyết giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định 01/2017 NĐ - CP ngày 06/01/ 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ - CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật quy hoạch;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ - CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP;

- Nghị định số 123/2017/NĐ - CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 135/2016/NĐ - CP ngày 09/09/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 148/2020/NĐ - CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở Văn hoá, cơ sở Y tế, cơ sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở Thể dục thể thao;

- Thông tư số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23/3/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc về việc quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thông tư 13/2020/TT-BGD&ĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;...

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Nghị quyết 24/NQ - HĐND ngày 04/08/2016 của hội đồng Nhân dân tỉnh Nghệ An về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Nghị quyết số 18/2020/NQ - HĐND ngày 13/12/2020 của hội đồng Nhân dân tỉnh Nghệ An về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 tỉnh Nghệ An;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tương Dương lần thứ XXVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Quyết định số 1509/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 5441/QĐ.UBND - CN ngày 09/11/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Nghệ An đến năm 2025, có tính đến năm 2030;

- Quyết định số 6103/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An định hướng đến năm 2030, tầm nhìn 2050;

- Quyết định số 7218/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt quy hoạch hệ thống tượng đài và tranh hoành tráng tỉnh Nghệ An giai đoạn 2014-2030;

- Quyết định số 5955/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch Tổng thể hệ thống mạng lưới phân phối hàng hóa trên địa bàn Nghệ An đến 2020, có tính đến 2025- Nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành và khả năng đầu tư trên địa bàn huyện;

- Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch huyện Tương Dương;

- Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới, địa điểm công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tương Dương;

- Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 9/12/2021; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 9/12/2021; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; NQ số 30/NQ-HĐND ngày 07/07/2023; NQ số 31/NQ-HĐND ngày 07/7/2023; NQ số 53/NQ-HĐND ngày 27/10/2023; NQ số 54/NQ-HĐND ngày 27/10/2023; NQ số

71/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; NQ số 72/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật đất đai và theo quy định tại khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai.

2.2. Tài liệu, số liệu liên quan

- Báo cáo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030;
- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội năm 2030 của huyện Tương Dương;
- Đồ án quy hoạch nông thôn mới của 17 xã trên địa bàn huyện;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện Tương Dương và bản đồ hiện trạng sử dụng đất của 17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.
- Các tài liệu khác có liên quan.

3. Bộ cục báo cáo

Bộ cục báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tương Dương, ngoài phần đặt vấn đề, kết luận và kiến nghị được chia các phần chính như sau:

- Phần I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội;
- Phần II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023;
- Phần III: Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024;
- Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

4. Sản phẩm

1) Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Tương Dương: 04 bộ.

2) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất huyện Tương Dương đến năm 2024 tỷ lệ 1:25.000 (dạng số và giấy): 04 bộ

3) Đĩa CD lưu trữ các tài liệu trên: 04 bộ

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường

1.1. Điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý

Tương Dương là huyện miền núi cao, nằm về phía Tây Nam của tỉnh Nghệ An, cách thành phố Vinh khoảng 200 km; cách cửa khẩu Nậm Cắn khoảng 90 km; có 4 xã tiếp giáp nước CHDCND Lào với tổng chiều dài đường biên giới là 58,3 km. Có toạ độ địa lý từ 18⁰58' đến 19⁰39' vĩ độ Bắc và 104⁰03' đến 104⁰55' kinh độ Đông. Ranh giới hành chính tiếp giáp với các địa phương sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Quế Phong, và nước CHDCND Lào;
- Phía Nam và Tây Nam giáp nước CHDCND Lào;
- Phía Đông và Đông Nam giáp huyện Con Cuông;
- Phía Tây giáp huyện Kỳ Sơn.

Tương Dương có mạng lưới giao thông đường thuỷ khá thuận lợi và quan trọng, có tuyến Quốc lộ 7A và sông Lam chạy qua địa bàn huyện, là một trong những ưu điểm để phát triển kinh tế, văn hoá xã hội của huyện.

b) Địa hình, địa mạo

Tương Dương là huyện có địa hình rất hiểm trở, nhiều núi bao bọc tạo nên những thung lũng nhỏ và hẹp, chia thành 3 vùng.

- *Vùng ngoài:* Bao gồm các xã dọc đường 7A và sông Lam (8 xã và thị trấn). Vùng này các ngọn núi đều nằm trong dãy núi Trường Sơn ở biên giới Việt Lào, phân bố rời rạc, nối liền nhau bằng đèo thấp nằm theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Các dãy núi nằm cách nhau tạo nên thung lũng nhỏ như ở các xã: Tam Quang, Tam Thái, Tam Đình.

- *Vùng trên:* Nằm dọc theo sông Nậm Non, bắt đầu từ Cửa Rào lên đến biên giới, một phần giáp Lào, một bên giáp huyện Quế Phong. Đây là vùng có nhiều núi cao hiểm trở, giao thông đi lại cực kỳ khó khăn như xã Hữu Khuông (chưa có đường ô tô đi đến trung tâm xã).

- *Vùng trong:* Nằm ở phía Bắc huyện Tương Dương, gồm các xã: Yên Na, Yên Tĩnh, Yên Thắng, Yên Hòa, Nga My, Xiềng My. Đây cũng là vùng có nhiều đỉnh núi cao như đỉnh Pù Púng, Pù Đình, Pù Xăng Lếch... Có sông Nậm Non, Hội Nguyên và Nậm Chon chảy qua.

c) Khí hậu

Tương Dương chịu ảnh hưởng trực tiếp của vùng khí hậu Tây Nam - Nghệ An với đặc điểm là khí hậu nhiệt đới gió mùa và phân thành 2 mùa rõ rệt:

- *Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10*: Vào mùa mưa thường xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở đất gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau chịu ảnh hưởng của gió Lào nên mùa khô càng khắc nghiệt, hạn hán xảy ra liên tục làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

d) Thủy văn

Huyện Tương Dương có 03 nhánh sông lớn là nhánh sông Cả (sông Lam), nhánh sông Nậm Non và nhánh sông Nậm Mộ.

- Nhánh sông Cả (sông Lam): Bắt nguồn từ Cửa Rào, chảy qua các xã dọc quốc lộ 7A, có chiều dài trên 40 km, lòng sông sâu, ít có thác ghềnh. Thuận lợi cho việc cung cấp nước và vận chuyển đường thủy.

- Nhánh sông Nậm Non: Bắt nguồn từ nước bạn Lào chảy qua các xã Mai Sơn, Hữu Khuông, Nhôn Mai, Lượng Minh, Yên Na đến Cửa Rào - Xá Lượng, có chiều dài gần 100 km; có diện tích lưu vực trên 2.000 km². Sông có nhiều thác, ghềnh, lòng sông sâu và rộng. Lưu vực sông nằm trong vùng có lượng mưa thấp (1.500 mm/năm). Mùa khô khả năng cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt và vận chuyển đường thủy gặp nhiều khó khăn.

- Nhánh sông Nậm Mộ: Bắt nguồn từ Mường Típ (Kỳ Sơn), chảy qua các xã Lưu Kiên, Xá Lượng đến Cửa Rào dài 28 km, có diện tích lưu vực trên 1.000 km². Có đặc điểm độ dốc lớn, nước chảy xiết, khả năng vận tải đường thủy không thuận lợi.

Ngoài ra còn có hệ thống khe suối lớn, nhỏ phân bố trên địa bàn huyện, điển hình có khe Nguyên, Chà Lạp, khe Kiên v.v...

1.2. Các nguồn tài nguyên

a) Tài nguyên đất

Theo số liệu thổ nhưỡng của tỉnh Nghệ An, Tương Dương có 2 nhóm đất chính, gồm: nhóm đất phù sa và nhóm đất vùng đồi núi. Trong đó:

- Nhóm đất phù sa có tổng diện tích 555,00 ha, đất này được hình thành do sự bồi đắp phù sa của sông Cả, sông Nậm Non, khe Thơi, khe Chà Lạp, khe Kiên và khe Hội Nguyên, phân bố ở các xã Tam Quang, Tam Đình, Tam Thái, Lưu Kiên, Yên Na, Yên Hoà, Yên Tĩnh, Nga My, Hữu Khuông.

- Nhóm đồi núi gồm nhiều nhóm đất: nhóm đất feralit vàng đỏ phát triển trên đá phiến sét, phát triển trên đá cát kết, phát triển trên đá Macma axit, phát triển trên đá biến chất, phát triển trên đá phiến sét; Đất feralit đỏ vàng phát triển trên đá vôi, phát triển trên đá Macma axit; Đất feralit vàng xám phát triển trên đá cát kết; Đất feralit mùn vàng trên núi cao; Đất feralit mùn trên núi cao. Thường nhóm đất này thích hợp cho cây trồng cây công nghiệp dài ngày cây ăn quả, vùng bằng có thể trồng cây lương thực, hoa màu ngắn ngày.

b) Tài nguyên nước

Tương Dương có nguồn nước mặt khá dồi dào, phong phú. Nguồn nước chủ yếu lấy từ nguồn nước mặt của 3 nhánh sông chính: Nhánh sông Nậm Nơn, Nhánh Nậm Mộ, Nhánh sông Cả. Ngoài ra còn có hệ thống khe suối lớn nhỏ phân bố trên địa bàn huyện, điển hình có khe Hội Nguyên, khe Cánh tráp, khe Kiền, khe Bó và hệ thống các đập thủy lợi.

c) Tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản ở Tương Dương gồm các loại sau:

- *Vàng sa khoáng* phân bố dọc sông Cả và vùng Hội Nguyên, tập trung chủ yếu ở xã Yên Na, Yên Hoà, Yên Tĩnh, Nga My, Hữu Khuông với trữ lượng khoảng 456 kg. Diện tích chiếm đất khoảng 3 km².

- *Vật liệu xây dựng* bao gồm cát, sỏi, sạn, phân bố dọc sông Lam và các con suối lớn với trữ lượng không nhiều. Bên cạnh đó những năm gần đây trên địa bàn huyện đã phát hiện ra mỏ đá Granit ở xã Lưu Kiền, trong tương lai gần đây là một lợi thế lớn để phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng của huyện.

d) Tài nguyên nhân văn

Tương Dương là một huyện gồm nhiều dân tộc: Kinh, Thái, Khơ Mú, Mông, Poọng, Ó Đu và các dân tộc khác. Các dân tộc phân bố ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa giao thông đi lại khó khăn, thiếu nguồn nước sinh hoạt. Mối quan hệ giữa các dân tộc ở Tương Dương có từ lâu đời và ngày càng nêu cao được tinh thần đoàn kết dân tộc. Các dân tộc ở Tương Dương có những lễ hội đặc sắc như hội hát Rắc bùa, hội Rài sán, lễ cầu mưa... và vẫn còn giữ được những sinh hoạt văn hoá độc đáo mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc của mình. Trên địa bàn Tương Dương có 4 di tích được UBND tỉnh Nghệ An công nhận, đó là Đền Vạn (Xá Lượng), hang Thắm Cùng (Tam Đình), danh thắng Cửa Rào (Xá Lượng), hang Thắm Coóng và Thắm Bồng (Tam Quang).

1.3. Thực trạng môi trường

a) Môi trường đất

- *Tình hình suy thoái đất:* Với đặc thù là một huyện miền núi, địa hình chia cắt mạnh nên đất của Tương Dương có xu thế thoái hoá do xói mòn, rửa trôi, mất chất hữu cơ, khô hạn, ... dẫn đến nhiều vùng đất bị cằn cỗi, không có khả năng canh tác.

- *Tình hình sử dụng phân bón hoá học và thuốc bảo vệ thực vật:* Trong quá trình sản xuất việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có độ độc cấp tính như Monocotophos, Endosulfan hoặc một số hoạt chất có độ phân giải chậm như: Mancozeb, phân bón hoá học mà đặc biệt là không tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật bảo quản nên gây tác động xấu đến môi trường đất.

- *Hiện tượng khai thác khoáng sản:* Hoạt động khai thác khoáng sản làm xáo trộn bề mặt đất. Mặt khác hoạt động khai thác khoáng sản làm thu hẹp diện tích rừng và làm tăng khả năng xói mòn, rửa trôi đất,... dẫn đến làm tăng hàm lượng các chất lơ lửng, các chất hữu cơ trong nước,...

b) Môi trường nước

Nguồn nước quan trọng nhất cho sản xuất và sinh hoạt của người dân trong huyện được lấy từ hệ thống sông, suối, khe, đập... Chất lượng nước tương đối tốt, lượng nước phụ thuộc theo mùa nên vào mùa khô hiện tượng thiếu nước vẫn còn diễn ra ở một số khu vực trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên hiện nay, do tốc độ phát triển kinh tế - xã hội trên bề mặt lưu vực ngày một gia tăng, nguồn nước đang có biểu hiện suy giảm về chất lượng, gia tăng hàm lượng các chất hữu cơ và dinh dưỡng.

c) Môi trường không khí và tiếng ồn

Tương Dương là huyện miền núi cao, núi non trùng điệp, độ ẩm cao, là huyện có tiềm năng rừng đa dạng và phong phú. Diện tích rừng nguyên sinh còn lớn và đang được bảo tồn thuộc 2 khu vực: vườn Quốc gia Pù Mát và khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống đã tạo cho Tương Dương có được môi trường sinh thái tương đối ôn hoà. Do đó môi trường không khí và tiếng ồn nhìn chung còn đảm bảo.

2. Thực trạng phát triển - kinh tế xã hội

Năm 2022, nền kinh tế được mở cửa trong trạng thái bình thường mới, dịch bệnh COVID-19 cơ bản được kiểm soát, tạo tiền đề quan trọng để phục hồi và phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, tình hình kinh tế cả nước và của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, giá cả thị trường không ổn định, nền kinh tế lạm phát gia tăng; trong huyện thời tiết diễn biến phức tạp, rét đậm, rét hại; mưa lớn kèm

theo gió lốc với cường độ mạnh xảy ra; đã làm ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân. Song, với tinh thần đoàn kết và ý chí quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị; sự đồng thuận của nhân dân; công tác quản lý, lãnh đạo, điều hành được đổi mới bằng nhiều giải pháp quyết liệt, hiệu quả. Nhờ vậy, các khó khăn, vướng mắc từng bước được tháo gỡ; kinh tế - xã hội có tốc độ phát triển ổn định, an ninh trật tự trên địa bàn được giữ vững, cụ thể như sau:

2.1. Thực trạng phát triển kinh tế

Nhìn chung, nền kinh tế của huyện tăng trưởng với tốc độ ổn định và có một số lĩnh vực phát triển.

Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) ước đạt 5.750.377 triệu đồng, đạt 91,12% NQ HĐND. Tốc độ tăng trưởng GTSX năm 2023 đạt 1,34%, (trong đó: nông - lâm - thủy sản tăng 4,55%; công nghiệp - xây dựng giảm 0,2%; thương mại - dịch vụ tăng 5,97%). Phần huyện quản lý tăng 6,01% (trong đó nông - lâm - thủy sản tăng 4,71%; công nghiệp - xây dựng tăng 7,19%; thương mại - dịch vụ tăng 6,2%). Thu nhập bình quân trên đầu người ước đạt 36,02 triệu đồng, đạt 98,4% NQ HĐND, tăng 5,94% so với cùng kỳ

2.1.1. Lĩnh vực nông - lâm nghiệp - thủy sản:

Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản ước đạt 621.091 triệu đồng, đạt 94,86% NQ HĐND, tăng 4,55% so với cùng kỳ.

- Nông nghiệp: Thực hiện tốt công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất. Tổng diện tích gieo trồng cả năm đạt 8.603,3 ha, đạt 191,19% so với KH, 102,3% so với NQHĐND, tăng 0,7% so với cùng kỳ; sản lượng thực cây có hạt đạt 18.319 tấn, đạt 106,51% so với KH, đạt 102,86% so với NQHĐND, tăng 5,53% so với cùng kỳ. Năm 2023 dự kiến có 12 sản phẩm tham gia đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP1

Ngành chăn nuôi của huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực; chất lượng đàn ngày càng được nâng lên. Tổng đàn trâu 17.559 con, đạt 100,9% so với KH và NQHĐND; tăng 2,8% so với cùng kỳ; tổng đàn bò 34.141 con, đạt 91,8% KH và NQHĐND, giảm 4,7% so với cùng kỳ; tổng đàn lợn 26.330 con, đạt 88% KH và NQHĐND; giảm 2,5% so với cùng kỳ; tổng đàn gia cầm 401.848 con, đạt 95,7% KH và NQHĐND, tăng 2,7% so với cùng kỳ; tổng đàn dê 9.294 con, đạt 95,23% so với NQHĐND; giảm 4,8% so với cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi ước đạt 4.749 tấn, đạt 111,2% KH, đạt 103,2% so với NQHĐND; tăng 7,1% so với cùng kỳ; Tỷ lệ tiêm phòng gia súc ước đạt 39%, đạt 111,43% so với KH.

- Lâm nghiệp: Công tác phát triển rừng được quan tâm, trồng mới được 1.464,7 ha rừng tập trung, đạt 146,5% KH giao, tăng 33,88% so với cùng kỳ; bảo vệ, khoanh nuôi, chăm sóc rừng đều đạt và vượt kế hoạch. Tỷ lệ che phủ rừng 79,44%, đạt 100,2% KH và NQ HĐND. Toàn huyện đã khai thác được 22.500 m³ gỗ rừng trồng các loại, ước doanh thu khoảng 35 tỷ đồng. Đã phát hiện và xử lý 59 vụ vi phạm lâm luật; diện tích rừng bị thiệt hại 5,69 ha; Tịch thu 55,445m³ gỗ tròn và xẻ các loại, 440kg Thực vật rừng ngoài gỗ. Tổng tiền phạt và bán lâm sản: 374.892.400 đồng

- Thủy sản: Tiếp tục được quan tâm, duy trì và phát triển. Diện tích ao nuôi 86,2 ha, đạt 102,26% KH, đạt 102,4% NQHĐND, tăng 2,5% so với cùng kỳ, số lồng cá 547lồng, đạt 99,5% so với KH, tăng 9,2% so với cùng kỳ (tăng 45 lồng so với năm 2022), sản lượng thủy sản ước đạt 624,2 tấn, đạt 109,5% so với KH, đạt 104% so với NQHĐND, tăng 4,9% so với cùng kỳ.

- Thủy lợi: Đã tổ chức phát độngtoàn dân ra quân làm thủy lợi trên địa bàn toàn huyện (ngày 16/10) với 4.952 người tham gia, Đào, nạo vét được 1.591m kênh mương, Đắp tu bổ bờ kênh, công trình 611 m, Đất đắp bờ vùng, bờ thửa 494 m³; Phát quang, cắt cỏ, vớt rong, bèo: 36.861 m². Diện tích lúa được tưới 1.931,5ha, đạt 101,4%, tăng 4,3% so với cùng kỳ trong đó tưới ổn định 1.710ha, đạt 103,6%, tăng 6,9% so với cùng kỳ.

- Công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm: Tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi tương đối ổn định, chỉ xuất hiện 02 ổ dịch lở mồm long móng tại 2 xã Mai Sơn và thị trấn Thạch Giám làm 158 con mắc bệnh (trong đó: xã Mai Sơn 69 con, thị trấn Thạch Giám 89 con), đã điều trị và khống chế, không để dịch bệnh lây lan, hạn chế thiệt hại do dịch bệnh.

- Công tác PCTT-TKCN: Trong năm 2023, trên địa bàn huyện xảy ra mưa lớn, tố, lốc và gió giật mạnh làm bị thương 3 người; Hư hỏng 180 nhà ở các loại; Diện tích Nông lâm nghiệp, thủy sản bị thiệt hại 179,06 ha. Về chăn nuôi: Làm chết 4 con trâu, bò, 7 con Dê, 10 con Lợn, 602 con gia cầm (Gà, Vịt). Làm hư hỏng 13 công trình nước sinh hoạt, sạt lở đất đá các tuyến đường, cầu dân sinh, cột điện, một số công trình phúc lợi, văn hóa, phụ trợ khác....Ước tính thiệt hại hơn 13,7 tỷ đồng.

- Công tác xây dựng nông thôn mới: Tập trung giữ vững các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới tại 04 xã Tam Thái, Tam Quang, Tam Đình, Xá Lượng; xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện đưa xã Lưu Kiền về đích theo kế hoạch.

Chỉ đạo các bản đăng ký về đích nông thôn mới năm 2023 hoàn thiện các tiêu chí; công bố quyết định 01 bản đạt chuẩn NTM năm 2023 tại bản Bay, xã Nga My. Tổ chức 05 cuộc làm việc với các xã, bản để xây dựng lộ trình và tập trung chỉ đạo xây dựng bản đạt chuẩn NTM trong năm 2023. Kết quả đến nay: Số xã đạt 19 tiêu chí 4 xã; số xã đạt từ 10-14 tiêu chí 6 xã; số xã đạt từ 5-9 tiêu chí 6 xã. Bình quân/12xã: đạt 9,4 TC/xã, tăng 1,9 tiêu chí so với năm 2022 (7,5 TC/12 xã). Trong năm thành lập mới 02 hợp tác xã (HTX du lịch cộng đồng gắn với sản xuất nông nghiệp bản Khe Ngậu; HTX sản xuất và du lịch xã Mai Sơn), nâng tổng số HTX trên địa bàn toàn huyện là 25 HTX.

Công tác vệ sinh môi trường được quan tâm; phong trào làm đường giao thông nông thôn được đẩy mạnh, tạo thành phong trào có tính lan tỏa. Cấp được 3.575 tấn xi măng và nhân dân tự mua 13,1 tấn; làm được trên 21,017 km; số cát sỏi nhân dân đóng góp 11.312,35 m³; ngày công huy động là 20.068 công; nhân dân đóng góp 6.506.403.000 đồng. Tổ chức ra quân làm đường giao thông nông thôn và các tuyến đường vào khu sản xuất các xã vùng sâu đặc biệt khó khăn năm 2023: Tổng số tuyến 43 với chiều dài: 74.177m⁷

- Công tác quản lý tài nguyên và môi trường: Hoàn thiện công tác thống kê đất đai năm 2023 và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện. Tổ chức thực hiện Kế hoạch “Ngày thứ 7 và Chủ nhật vì dân” (số 44/KH-UBND ngày 16/02/2023), giúp UBND các xã, thị trấn tổ chức kê khai cấp GCN QSD đất cho nhân dân, giải quyết các bức xúc của nhân dân. Phối hợp với tổ chức INKOTA để triển khai Dự án “Hỗ trợ giao đất lâm nghiệp cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Trương Dương, tỉnh Nghệ An” do tổ chức INKOTA nước Cộng hòa Liên bang Đức tài trợ. Trong năm cấp được 1.629 giấy chứng nhận QSD đất (trong đó, cấp mới 132 giấy, cấp đổi 1497 giấy), giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp được 23 thửa/ 23 hộ/68,23 ha và 168 thửa/10 cộng đồng/2.298,66 ha; Giao rừng trên đất lâm nghiệp và đã cấp GCN: 602 thửa/541 hộ/2.599,03 ha. Tổ chức kiểm tra xử lý vi phạm hành chính về đất đai, xây dựng, tài nguyên nước và khoáng sản; đã xử lý vi phạm hành chính 18 trường hợp với tổng số tiền phạt 113.000.000 đồng.

- Công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng: đã chủ động tham mưu xử lý kịp thời công tác thu hồi đất, BT-GPMB các dự án trên địa bàn huyện để bàn giao mặt bằng phục vụ thi công đúng tiến độ. Đối với dự án thủy điện Khe Bó và Bản Vẽ: kiện toàn Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Xây dựng nhà máy Thủy điện Bản Vẽ và Thủy điện Khe Bó. Tập trung chỉ đạo,

rà soát các tồn tại vướng mắc để tham mưu UBND huyện báo cáo đề xuất phương án xử lý với UBND tỉnh và các sở ngành liên quan (mỗi quý một lần) xem xét, giải quyết các chế độ chính sách của người dân vượt thẩm quyền giải quyết của UBND huyện. Thực hiện chi trả kinh phí BT-GPMB của các công trình, dự án thực hiện trên địa bàn huyện.

2.1.3. Thương mại - Dịch vụ:

Giá trị sản xuất ước đạt 1.025.450 triệu đồng, đạt 98,02% NQ HĐND, tăng 5,97% so với cùng kỳ. Phần huyện quản lý tăng 6,2% so với cùng kỳ. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ ước đạt 1.121,7 tỷ đồng, đạt 100,64% NQ HĐND, tăng 8,69% so với cùng kỳ. Thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng về chủng loại, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng; trong năm đã cấp mới, cấp đổi 120 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể (trong đó cấp mới 97 cái), nâng số hộ kinh doanh trên địa bàn lên 1.933 hộ. Công kiểm tác tra, kiểm soát thị trường, bình ổn giá cả hàng hóa được tăng cường, nhất là dịp trước, trong và sau tết nguyên đán.

Mô hình dịch vụ du lịch sinh thái đang từng bước phát triển mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân. Một số loại hình dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng được phát triển đa dạng; các dịch vụ vận tải, bưu chính - viễn thông, tín dụng ngân hàng cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.

Mô hình dịch vụ du lịch sinh thái bước đầu đã được hình thành và phát triển mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân như cụm du lịch sinh thái Tam Quang (khu du lịch sinh thái Nậm Xán) - Tam Đình (rừng Săng lẻ, Khe Có) - Đền Vạn Cửa Rào - Thác Nha Vàng, xã Nhôn Mai - Cạn nước, rừng Săng lẻ, xã Yên Hòa. Hiện nay, huyện đang đầu tư xây dựng điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại rừng Săng Lẻ. Xây dựng 03 Homestay tại bản Quang Phúc, xã Tam Đình phục vụ cho du lịch cộng đồng. Một số loại hình dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng được phát triển đa dạng; các dịch vụ vận tải, bưu chính - viễn Thông, tín dụng ngân hàng cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.

Số điểm thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện ít, tập trung chủ yếu ở khu vực thị trấn Thạch Giám và các xã nằm ven Quốc lộ 16.

Cụ thể:

- Số lượng khách sạn, nhà nghỉ, số lượng điểm đến du lịch đã được công nhận:

+ Số lượng khách sạn: 01 (được công nhận)

+ Số lượng nhà nghỉ: 10

+ Số lượng điểm đến du lịch đã được công nhận: 01 (Đền Vạn, được UBND tỉnh công nhận), ngoài ra trên địa bàn huyện còn có các điểm du lịch như Văng Pốt, Nha Vang, Khe Cớ, Nậm Xán, Đoọc Búa, Rừng xăng lẻ Tam Đình, rừng xăng lẻ - Cồn nước Yên Hòa,....

- Số lượng cơ sở kinh doanh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch: 01 (Khách sạn Hòa Bình).

2.2. Dân số, lao động

Năm 2023, UBND huyện đã triển khai nhiều giải pháp đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động. Phối hợp với Trung tâm lao động ngoài nước – Bộ LĐ-TB&XH, Trung tâm DVVL tỉnh và 12 đơn vị, doanh nghiệp tổ chức 17 phiên GDVL lưu động tại các xã, thu hút được hơn 3.850 lao động tham gia tư vấn về việc làm, học nghề. Số lao động qua đào tạo là 3.205 lao động, đạt 128,2% NQ HĐND, trong đó đã đào tạo nghề cho 1.757 lao động, đạt 100,4% KH, 175,7% NQ HĐND, tăng 56% so với cùng kỳ; giải quyết việc làm cho 4.200 lao động, đạt 300% KH, 168% NQ HĐND; xuất khẩu 270 lao động đi làm việc tại Nhật Bản, Hàn Quốc và một số nước trong khu vực, đạt 128,6% KH, 168,8% NQ HĐND. Tổ chức cai nghiện cho 316 người, đạt 112,9% KH, 121,5% NQ HĐND, tăng 2,3% so với cùng kỳ.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội được quan tâm và thực hiện tốt, nhất là dịp tết nguyên Đán. Huyện đã tổ chức huy động, tiếp nhận và tặng quà cho hộ gia đình chính sách, người có công với cách mạng với tổng số tiền là 386,4 triệu đồng; thăm và tặng quà cho 6.232 hộ nghèo với số tiền là 939,8 triệu đồng; Cấp 210.060 kg gạo cứu đói cho 3.233 (hộ) với 14.004 (nhân khẩu). Mừng thọ cho 693 cụ từ 70 tuổi đến trên 100 tuổi với số tiền 204,5 triệu đồng. Ngoài ra, UBND huyện cùng UBMTTQ huyện tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan ban ngành cấp tỉnh và huy động các cơ quan, đơn vị, trường học, UBND các xã thị trấn trên địa bàn huyện hỗ trợ người nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách, Bảo trợ xã hội và hộ đặc biệt khó khăn, trong dịp tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 cho 7.541 suất, với số tiền 5.190,584 triệu đồng. Trong năm đã vận động các cá nhân tổ chức hỗ trợ xây dựng 03 cầu dân sinh, 09 giếng khoan, 01 bể nước sinh hoạt, 03 nhà bệnh nhân cho 03 Trạm y tế xã với tổng số tiền 2.091 triệu đồng.

Công tác xóa đói giảm nghèo được quan tâm thường xuyên; tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,52%, đưa tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 34,03% xuống còn 29,51%; tạo điều kiện cho hộ vay vốn qua Ngân hàng Chính sách xã hội huyện với tổng số

tiền 129,431 triệu đồng để phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo.

- Triển khai thực hiện Chương trình vận động, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà cho người nghèo, người có khó khăn về nhà ở và Chương trình “Mẹ đỡ đầu” hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn huyện Tương Dương. Kết quả: Trong năm đã vận động và tiếp nhận được tổng số tiền hơn 45.465,74 triệu đồng, đến nay đã hoàn thành xây dựng 655 nhà, đang xây dựng 254 nhà và có 164 trẻ mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được nhận hỗ trợ, đỡ đầu.

2.3. Điều kiện cơ sở hạ tầng

a) Giao thông

Diện tích đất giao thông năm 2023 trên địa bàn huyện là 810,66 ha.

Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện Tương Dương có 2 loại hình đường bộ và đường sông.

*** Đường bộ**

Quốc lộ 7A đi qua huyện với tổng chiều dài là 54 km, Quốc lộ 48C, Quốc lộ 16C, tỉnh lộ 543B và các tuyến đường liên huyện, liên xã hầu hết đã được nhựa hóa. Hiện nay 17/18 xã, thị trấn đã có đường ô tô đi vào đến trung tâm xã, (riêng xã Hữu Khuông đường ô tô còn cách trung tâm xã 2km).

Về cầu: cần tiến hành duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường, các cầu treo trên địa bàn huyện. Triển khai có hiệu quả công tác bảo đảm an toàn giao thông. Tiếp tục thực hiện hoàn chỉnh việc bê tông hóa các tuyến đường nông thôn mới của các xã trên địa bàn toàn huyện, đảm bảo giao thông đi lại thuận tiện trong mùa mưa.

*** Đường sông**

Huyện có 3 tuyến, trong đó có 2 tuyến chính (tuyến sông Lam và tuyến sông Nậm Non):

- Tuyến sông Lam (từ Cửa Rào - Tương Dương) dài 65 km;
- Tuyến sông Nậm Non (từ Bản Vẽ - Mai Sơn) dài 102 km.
- Tuyến khe Hội Nguyên dài 48 km cũng có thể đi lại bằng thuyền máy trong mùa mưa, tạo thành mạng lưới giao thông đường thủy tương đối thuận lợi trong giao lưu kinh tế, văn hoá xã hội giữa các xã trong vùng và thị trấn.

b) Thủy lợi

Trong những năm qua, nhiều công trình thủy lợi trên địa bàn huyện được đầu tư sửa chữa, khôi phục, nâng cấp đặc biệt là chương trình kiên cố hóa kênh

mương thủy lợi đã được triển khai trên diện rộng (*nâng cấp, tu sửa 23 công trình và xây dựng mới 13 công trình*) như đập chứa nước Na Hỷ (Nhôn Mai); hệ thống kênh mương thủy lợi bản Quang Phúc (Tam Đình)...

Diện tích đất thủy lợi năm 2023 là 35,57 ha.

c) Giáo dục - đào tạo

Năm 2023, diện tích đất cơ sở giáo dục - đào tạo là 61,83 ha.

Năm học 2018 - 2019 toàn huyện Tương Dương có 24 trường tiểu học, 17 trường trung học cơ sở, 02 trường trung học phổ thông với tổng số giáo viên là 1.382 giáo viên. Số học sinh của các cấp là: tiểu học là 6.658 học sinh, trung học cơ sở là 4.458 học sinh, trung học phổ thông là 1.366 học sinh; diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 58,18 ha. Số trường đạt chuẩn quốc gia là 16 trường; hiện tại có 7 trường cơ bản đã đạt được các tiêu chí và đang chờ phê duyệt.

d) Y tế

Trên toàn huyện có 19 cơ sở y tế gồm: 1 trung tâm y tế; 1 phòng khám đa khoa khu vực (Yên Hòa) và 17 trạm y tế xã, thị trấn. Năm 2021, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 6,47 ha. Tổng số giường bệnh là 215 giường (bệnh viện 120 giường; phòng khám đa khoa 10 giường; trạm y tế xã, thị trấn 85 giường). Tổng số cán bộ y tế từ huyện đến cơ sở là 318 người (trong đó: bác sỹ 43 người; dược sỹ 24 người; y sỹ 80 người; y tá 114 người; dược tá 16 người, nữ hộ sinh 41 người). Thường xuyên chỉ đạo công tác xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, đến nay đã có 15/17 xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế, đạt 88,2%”.

e) Văn hóa, thể dục thể thao

Phát triển ngành văn hoá - thông tin theo hướng gắn với các vấn đề xã hội, các nhiệm vụ phát triển kinh tế trọng tâm. Chất lượng và đời sống văn hoá của dân được nâng lên. Đẩy mạnh triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

Làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thực thể thao kỷ niệm các ngày lễ lớn; Tăng cường công tác tuyên truyền phòng, chống dịch COVID-19. Tổ chức thành công Lễ tế Đền Vạn Cửa Rào năm 2022. Bàn giao Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh - Đền Vạn cho UBND xã Xá Lượng quản lý. Xây dựng 02 mô hình hoạt động văn hóa cấp huyện, gồm: Mô hình CLB bảo tồn các loại hình nhạc cụ các dân tộc huyện Tương Dương, Mô hình CLB dân ca, dân vũ, khắc luống nhảy sạp bản Quang Phúc, xã Tam Đình. Tổ chức thành công Đại hội Thể dục, thể thao huyện Tương Dương lần thứ IX năm 2022; Tổ chức Liên hoan nghệ thuật quần chúng tiếng hát làng Sen năm 2022.

f) Hệ thống bưu chính, viễn thông

Mạng lưới thông tin, tuyên truyền được mở rộng đến các xã, huyện có 1 đội thông tin lưu động thường xuyên phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến làng, bản. Nhờ sử dụng hệ thống phát điện nhỏ đặt ở các sông suối nên các xã vùng sâu vùng xa cũng đã xem được ti vi.

Ngành thông tin bưu điện phát triển nhanh, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo cho các ngành, các cấp đáp ứng nhu cầu của nhân dân một số vùng.

Diện tích đất công trình bưu chính viễn thông năm 2023 là 3,50 ha.

3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

3.1. Thực trạng phát triển thị trấn

Tương Dương là huyện miền núi Tây Nghệ An. Hiện nay, hệ thống cơ sở hạ tầng, các khu đô thị đã dần hoàn thiện. Khối lượng xây dựng nhà ở, công trình công cộng, cơ sở hạ tầng... cũng tăng lên khá nhanh. Dịch vụ thương mại phát triển góp phần quan trọng trong việc tăng giá trị sản xuất của huyện.

Hiện nay, huyện Tương Dương đang quy hoạch xây dựng 06 khu đô thị gồm: Khu đô thị Xá Lượng, Khu đô thị Khe Bó thuộc xã Tam Quang, Khu đô thị Khe Kiên thuộc xã Lưu Kiên, Khu đô thị Xiềng Líp thuộc xã Yên Hòa, Khu đô thị Bản Vẽ thuộc xã Yên Na, để tạo nên các trung tâm kinh tế, văn hoá, dịch vụ cho xã hoặc cụm xã đóng vai trò đẩy mạnh quá trình đô thị hoá của huyện và xây dựng nông thôn mới.

3.2. Thực trạng phát triển các khu dân cư nông thôn

Toàn huyện hiện có 16 xã, hệ thống dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Tương Dương phân bố không đồng đều, phân tán theo địa hình, phụ thuộc vào nguồn nước và phong tục tập quán của từng dân tộc. Những năm gần đây, cơ sở hạ tầng trong khu vực tuy đã được đầu tư song vẫn còn yếu và thiếu. Nhiều vấn đề bất cập diễn ra cần sự quan tâm giải quyết như:

- Tình trạng thiếu nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn chưa đảm bảo;
- Người dân lao động nông nghiệp là chính, thu nhập thấp;
- Hầu hết hệ thống đường giao thông nông thôn là đường cấp phối, đường đất, lầy lội về mùa mưa, bụi về mùa khô, gây khó khăn cho việc đi lại của nhân dân;
- Việc xây dựng nhà ở hoàn toàn mang tính tự phát, không đảm bảo kiến trúc và mỹ quan. Loại nhà tạm, dột nát vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn. Phần lớn nhà ở phân bố rải rác gây khó khăn cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng (điện, nước, thông tin liên lạc...).

4. Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất

Biến đổi khí hậu là do nồng độ của khí hiệu ứng nhà kính tăng lên trong khí quyển ở mức độ cao. Bản thân nó đã làm cho trái đất nóng lên, nhiệt độ nóng lên này đã tạo ra các biến đổi trong các vấn đề thời tiết hiện nay.

Biến đổi khí hậu biểu hiện làm sạt lở đất, lũ quét làm mất diện tích đất canh tác làm hạn chế nguồn sinh kế cho người dân, đặc biệt là người nghèo. Hạn hán, rét đậm, rét hại làm phá hủy diện tích đất gieo trồng giảm sản lượng lương thực sản xuất được.

5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường

5.1. Thuận lợi

- *Về vị trí địa lý:* Tương Dương có Quốc lộ 7A chạy qua, có cửa khẩu Tam Hợp và gần cửa khẩu Nậm Cắn giáp nước bạn Lào, do vậy thuận lợi trong giao lưu, trao đổi hàng hóa với bên ngoài.

- *Về cảnh quan thiên nhiên:* Có nhiều lợi thế để phát triển du lịch. Nằm trong khu dự trữ sinh quyển lớn nhất cả nước, với những phong cảnh như hai dòng Nậm Non, Nậm Mộ, rừng Quốc gia Pù Mát, rừng săng lẻ ở xã Tam Đình, rừng lạnh nguyên sinh ở Tam Hợp, rừng cây lùn ở khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huông (xã Nga My). Bên cạnh đó, khi các công trình thủy điện Bản Vẽ và Khe Bó hoàn thành, khu vực lòng hồ thủy điện sẽ là những điểm thu hút du khách, phát triển dịch vụ du thuyền thám hiểm lòng hồ, tham quan các ốc đảo và thưởng thức các loại đặc sản của núi rừng như thịt gà đen, lợn đen, cá mát, com lam, măng đắng... Tương Dương cũng là huyện có khá nhiều di tích - lịch sử, tiêu biểu như đền Cửa Rào (xã Xá Lượng), đền thờ Lý Nhật Quang (xã Tam Quang), hang Thảm Cống (xã Tam Bông) và hệ thống hang động ở bản Xiềng Lằm (xã Hữu Khuông). Đặc biệt, đền Cửa Rào từ lâu đã trở thành nơi gửi gắm tâm linh của đồng bào các dân tộc Tương Dương và du khách gần xa. Do vậy, Tương Dương có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái - văn hóa - tâm linh.

- *Các nguồn tài nguyên (tài nguyên đất; rừng; nước)* đa dạng, phong phú là điều kiện thuận lợi để đa dạng hóa cây trồng; phát triển ngành chế biến lâm sản, thủy điện. Huyện có nguồn tài nguyên khoáng sản: mỏ vàng, than... là điều kiện thuận lợi cho ngành khai thác khoáng sản, sản xuất nguyên vật liệu phục vụ nhu cầu xây dựng và phát triển của huyện và các khu vực lân cận.

- *Về nguồn lực lao động:* Huyện có nguồn lao động dồi dào (*toàn huyện có 25.303 lao động, trong đó lao động trong độ tuổi lao động là 22.817 người, chiếm 31,99% dân số toàn huyện*) cần cù chịu khó, ham học hỏi, tìm tòi, sáng tạo và đoàn kết là động lực để phát triển kinh tế.

- *Về An ninh, trật tự:* được giữ vững, các cơ quan quản lý nhà nước nắm vững các quy định pháp luật, trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, nhân dân

chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật,... có chất lượng cuộc sống văn hóa, thân thiện và lịch thiệp.

5.2. Khó khăn

- *Về địa hình*: Địa hình chia cắt phức tạp, diện tích đất dốc chiếm tỷ lệ lớn, hạn chế lớn đến xây dựng cơ sở hạ tầng (*nhất là giao thông*) phục vụ sản xuất, đời sống và khả năng thu hút đầu tư từ bên ngoài.

- *Về khí hậu thời tiết*: Khí hậu phân hoá theo mùa, gây nên tình trạng thiếu nước về mùa khô, lũ quét về mùa mưa, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống; mưa lớn tập trung vào một số tháng, kết hợp đất dốc nên dễ gây xói mòn, rửa trôi đất đai, lũ quét, sạt lở làm mất đất sản xuất, ách tắc giao thông.

- *Về kinh tế xã hội*: Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid trên toàn cầu do đó nền kinh tế địa phương cũng ảnh hưởng lớn.

- *Về cơ sở hạ tầng*: Hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém, không đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- *Về Chất lượng lao động*: tăng chậm, nhiều lao động trẻ có chất lượng cao phần lớn làm việc ở các thành phố, ít trở về quê làm việc, lực lượng lao động tại chỗ xuất thân từ nông nghiệp ít thích vào làm công nhân công nghiệp, chuyên môn kỹ thuật hạn chế, tính kỷ luật không cao. Vì vậy lợi thế nguồn nhân lực dồi dào, giá rẻ ít được phát huy.

Phần II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Trên cơ sở hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 và Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Ủy ban nhân dân huyện Tương Dương đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 như sau:

Bảng 2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích đến 31/12/2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	266.868,23	266.894,79	26,57	100,01
2	Đất phi nông nghiệp	8.941,84	8.909,56	-32,27	99,64
3	Đất chưa sử dụng	4.968,13	4.973,83	5,70	100,11

Đánh giá chung việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo các nhóm đất:

*** Nhóm đất nông nghiệp**

Tổng diện tích các loại đất theo kế hoạch là 266.868,23 ha, diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 266.894,79 ha, cao hơn 26,57 ha so với kế hoạch được duyệt.

*** Nhóm đất phi nông nghiệp**

Tổng diện tích các loại đất theo kế hoạch là 8.941,84 ha, diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 8.909,56 ha, thấp hơn 32,27 ha so với kế hoạch được duyệt.

*** Đất chưa sử dụng**

Theo Kế hoạch được duyệt, diện tích đất chưa sử dụng là 4.968,13 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 4.973,83 ha, cao hơn 5,70 ha.

1.1. Phân tích đất nông nghiệp

Bảng 2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tương Dương (nhóm đất nông nghiệp)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Diện tích xác định đến 31/12/2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
			Tăng (+), giảm (-) ha		Tỷ lệ (%)	
1	Đất nông nghiệp	NNP	266.868,23	266.894,79	26,57	100,01

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Diện tích xác định đến 31/12/2023		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.250,17	4.250,69	0,52	100,01
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>846,17</i>	<i>846,82</i>	<i>0,65</i>	<i>100,08</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.776,65	1.777,42	0,77	100,04
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.315,33	1.318,96	3,63	100,28
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	93.468,83	93.469,37	0,54	100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	39.496,81	39.496,81	-	100,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	126.516,32	126.537,39	21,07	100,02
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	43,62	43,64	0,02	100,04
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,50	0,50	-	100,00

Việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể như sau:

*** Đất trồng lúa**

Theo kế hoạch, diện tích đất trồng lúa năm 2023 là 4.250,17 ha, diện tích xác định đến 31/12/2023 là 4.250,69 ha, lớn hơn 0,52 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân lớn hơn do trong năm 2023, dự kiến giảm 0,98 ha thực hiện 05 CTDA chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa. Kết quả thực hiện được 02 CTDA với diện tích 0,36 ha, đạt tỷ lệ 36,73%; còn lại 03 CTDA diện tích 0,62 ha chưa thực hiện đó là Dự án Xây dựng trụ sở công an xã Yên Thắng, Dự án Cấp điện Nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Nghệ An, Xây dựng nhà văn hoá bản Văng Lin, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

Diện tích chênh lệch do số liệu thống kê năm 2023.

*** Đất trồng cây hàng năm khác**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất trồng cây hàng năm khác năm 2023 là 1.776,65 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 1.318,96 ha, lớn hơn 0,77 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân lớn hơn do trong năm 2023, dự kiến chuyển 0,77 ha đất trồng cây hàng năm khác sang thực hiện 02 CTDA đất phi nông nghiệp. Kết quả chưa thực hiện được CTDA đó, cụ thể là Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Nhôn Mai, huyện Tương Dương và Xây dựng trụ sở công an xã Tam Thái, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

*** Đất trồng cây lâu năm**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2023 là 1.315,33 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 1.318,96 ha, lớn hơn 3,63 ha

so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân lớn hơn do trong năm 2023, toàn huyện dự kiến chuyển mục đích 4,68 ha đất trồng cây lâu năm sang thực hiện 08 CTDA trong nhóm đất phi nông nghiệp. Kết quả đã thực hiện được 01 CTDA diện tích 0,11 ha, đạt 2,14% diện tích kế hoạch đề ra.

Còn lại 4,57 ha chưa thực hiện được 07 CTDA đề nghị chuyển tiếp thực hiện sang năm 2024.

Diện tích chênh lệch do điều chỉnh số liệu thống kê năm 2023.

*** Đất rừng phòng hộ**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất rừng phòng hộ năm 2023 là 91.468,83 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 93.469,37 ha, lớn hơn 0,54 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân lớn hơn do trong năm 2023, dự kiến để thực hiện 03 CTDA, kết quả thực hiện được 03 CTDA đó là dự án Xây dựng dự án cấp điện Nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Nghệ An; Dự án trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND – UBND xã Hữu Khuông huyện Tương Dương với diện tích 0,54 ha. Kết quả đến nay đã thực hiện được 01 CTDA với diện tích 0,14 ha.

Còn lại 0,40 ha chưa thực hiện được 02 CTDA đề nghị chuyển tiếp thực hiện năm 2024.

Diện tích chênh lệch do điều chỉnh số liệu thống kê năm 2023.

*** Đất rừng đặc dụng**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất rừng đặc dụng năm 2023 là 39.496,81 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 39.496,81 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2023, không có CTDA nào sử dụng đất rừng đặc dụng.

*** Đất rừng sản xuất**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất rừng sản xuất năm 2023 là 126.516,32 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 126.537,39 ha, lớn hơn 21,07 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân lớn hơn do trong năm 2023, toàn huyện dự kiến chuyển mục đích sử dụng 23,49 ha đất rừng sản xuất sang các mục đích khác. Kết quả đã chuyển 0,84 ha để thực hiện 01 công trình dự án, đạt 19,85% kế hoạch đề ra. Còn 22,65 ha chưa chuyển mục đích sử dụng để thực hiện 9 công trình, dự án, đề nghị chuyển tiếp sang năm 2024.

Diện tích chênh lệch do điều chỉnh số liệu thống kê năm 2023.

*** Đất nuôi trồng thủy sản**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2023 là 43,62 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 43,64 ha, tăng 0,02 ha so với kế

hoạch được duyệt.

Năm 2023, huyện dự kiến giảm 0,02 ha để thực hiện 01 CTDA Giảm trạm biến áp, bổ sung xuất tuyến giảm bán kính cấp điện, giảm TTĐN khu vực huyện Tân Kỳ, Con Công, Tương Dương, tỉnh Nghệ An, kết quả đến nay đã thực hiện được, đạt 100% kế hoạch đề ra.

Diện tích chênh lệch do điều chỉnh số liệu thống kê năm 2023.

*** Đất nông nghiệp khác**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất nông nghiệp khác năm 2023 là 0,50 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 0,50 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

1.2. Phân tích đất phi nông nghiệp

Bảng 2.3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tương Dương (nhóm đất phi nông nghiệp)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.941,84	8.909,56	-32,27	99,64
2.1	Đất quốc phòng	CQP	81,32	66,89	-14,43	82,26
2.2	Đất an ninh	CAN	2,02	1,45	-0,57	71,78
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,47	2,41	-0,06	97,57
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	6,20	6,20	-	100,00
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	18,66	18,66	-	100,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,41	1,41	-	100,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	7.314,26	7.309,27	-4,98	99,93
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>814,62</i>	<i>810,71</i>	<i>-3,91</i>	<i>99,52</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>35,61</i>	<i>35,56</i>	<i>-0,05</i>	<i>99,87</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>0,83</i>	<i>0,83</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>6,52</i>	<i>6,61</i>	<i>0,09</i>	<i>101,34</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>62,18</i>	<i>62,31</i>	<i>0,13</i>	<i>100,21</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục</i>	<i>DTT</i>	<i>14,48</i>	<i>13,98</i>	<i>-0,50</i>	<i>96,52</i>

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng	Tỷ lệ
	<i>thể thao</i>					
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>6.128,49</i>	<i>6.127,76</i>	<i>-0,73</i>	<i>99,99</i>
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>3,50</i>	<i>3,50</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>				
	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hoá</i>	<i>DDT</i>				
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>6,26</i>	<i>6,26</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>				
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>228,79</i>	<i>228,79</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>				
	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>11,67</i>	<i>11,67</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>1,31</i>	<i>1,31</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
2.10	<i>Đất danh lam thắng cảnh</i>	<i>DDL</i>				
2.11	<i>Đất sinh hoạt cộng đồng</i>	<i>DSH</i>	<i>12,02</i>	<i>11,04</i>	<i>-0,98</i>	<i>91,82</i>
2.12	<i>Đất khu vui chơi, giải trí công cộng</i>	<i>DKV</i>				
2.13	<i>Đất ở tại nông thôn</i>	<i>ONT</i>	<i>500,01</i>	<i>491,16</i>	<i>-8,85</i>	<i>98,23</i>
2.14	<i>Đất ở tại đô thị</i>	<i>ODT</i>	<i>54,93</i>	<i>54,22</i>	<i>-0,71</i>	<i>98,71</i>
2.15	<i>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</i>	<i>TSC</i>	<i>11,98</i>	<i>10,32</i>	<i>-1,66</i>	<i>86,11</i>
2.16	<i>Đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp</i>	<i>DTS</i>	<i>15,14</i>	<i>15,14</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
2.17	<i>Đất xây dựng cơ sở ngoại giao</i>	<i>DNG</i>				
2.18	<i>Đất cơ sở tín ngưỡng</i>	<i>TIN</i>	<i>6,18</i>	<i>6,18</i>	<i>-</i>	<i>100,00</i>
2.19	<i>Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối</i>	<i>SON</i>	<i>915,24</i>	<i>915,19</i>	<i>-0,05</i>	<i>99,99</i>
2.20	<i>Đất có mặt nước chuyên dùng</i>	<i>MNC</i>				
2.21	<i>Đất phi nông nghiệp khác</i>	<i>PNK</i>				

Việc thực hiện các chỉ tiêu cụ thể như sau:

*** Đất quốc phòng**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất quốc phòng năm 2023 là 81,32 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 69,89 ha, thấp hơn 14,43 ha so với kế hoạch được duyệt, đạt 82,26%.

Trong năm 2023, huyện dự kiến tăng thêm 14,83 ha để thực hiện 03 CTDA đó là dự án Xây dựng Đồn biên phòng Tam Hợp, Xây dựng đội sản xuất 10, Đoàn kinh tế quốc phòng 4, Xây dựng khu luyện tập chuyên trạng thái sẵn sàng chiến đấu, kết quả đến nay chưa thực hiện được công trình dự án nào đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

Đồng thời trong năm 2023, huyện dự kiến chuyển 0,40 ha để thực hiện 01 CTDA, kết quả chưa thực hiện được, đó là dự án Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Tam Hợp, huyện Tương Dương, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp qua năm 2024.

*** Đất an ninh**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất an ninh năm 2023 là 2,02 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 1,45 ha, thấp hơn 0,57 ha so với kế hoạch đề ra.

Trong năm 2023, huyện dự kiến tăng thêm 0,57 ha để thực hiện 05 CTDA, kết quả chưa thực hiện được CTDA nào, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024 là 03 trụ sở công an đó là Trụ sở công an xã Yên Hoà, xã Yên Thắng, xã Tam Thái.

Còn lại 02 công trình dự án đó là Trụ sở công an xã Yên Na, Yên Tĩnh huy bỏ do không bố trí nguồn vốn để thực hiện năm 2024.

*** Đất thương mại, dịch vụ**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất thương mại, dịch vụ năm 2023 là 2,47 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 2,41 ha, thấp hơn 0,06 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2023, huyện dự kiến tăng thêm 0,06 ha để thực hiện 01 CTDA đó là Dự án Xây dựng cửa hàng xăng dầu thị trấn Thạch Giám, huyện Tương Dương, kết quả chưa thực hiện được, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

*** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2023 là 6,20 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 6,20 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt do trong năm 2023, huyện không thực hiện CTDA nào sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

*** Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2023 là 18,66 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 18,66 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt do trong năm 2023, huyện không thực hiện CTDA nào sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản.

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm năm 2023 là 1,41 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 1,41 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt.

*** Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã năm 2023 là 7.314,26 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 7.309,27 ha, thấp hơn 4,98 ha so với kế hoạch được duyệt.

Cụ thể các nhóm đất trong đất phát triển hạ tầng như sau:

- *Đất giao thông*: Theo kế hoạch diện tích đất giao thông năm 2023 là 814,62 ha, diện tích xác định đến 31/12/2023 là 810,71 ha, thấp hơn so với kế hoạch được duyệt 3,91 ha.

Trong năm 2023, huyện dự kiến tăng thêm 3,85 ha để thực hiện 03 CTDA, kết quả chưa thực hiện, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

Diện tích chênh lệch do điều chỉnh số liệu thống kê năm 2023.

- *Đất thủy lợi*: Theo kế hoạch diện tích đất thủy lợi năm 2023 là 35,61 ha, diện tích xác định đến 31/12/2023 là 35,56 ha, thấp hơn 0,05 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2023, huyện dự kiến tăng 0,05 ha để thực hiện CTDA Đập thủy lợi bản Vãng Lin, xã Yên Thắng. Kết quả đến nay chưa thực hiện được, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

- *Đất cơ sở văn hóa*: Theo kế hoạch diện tích đất cơ sở văn hóa năm 2023 là 0,83 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 0,83 ha.

Năm 2023, không có CTDA nào về đất cơ sở văn hoá trên địa bàn huyện.

- *Đất cơ sở y tế*: Theo kế hoạch diện tích đất cơ sở y tế năm 2023 là 6,52 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 6,61 ha, lớn hơn 0,09 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân lớn hơn do trong năm 2023, huyện dự kiến chuyển 0,09 ha để thực hiện 01 CTDA đó là Xây dựng trụ sở công an Yên Tĩnh, kết quả đến nay chưa thực hiện được, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

- *Đất cơ sở giáo dục đào tạo*: Theo kế hoạch diện tích đất cơ sở giáo dục đào tạo năm 2023 là 62,18 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 62,31 ha; lớn hơn kế hoạch được duyệt 0,13 ha.

Nguyên nhân lớn hơn do trong năm 2023, huyện dự kiến giảm 0,30 ha để thực hiện 03 CTDA, kết quả đến nay chưa thực hiện được, tiếp tục đề xuất chuyển 02 CTDA sang năm 2024, còn lại 01 CTDA với diện tích 0,08 ha đề xuất huỷ bỏ do chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện năm 2024.

Đồng thời trong năm kế hoạch, huyện dự kiến tăng 0,17 ha để thực hiện 01 CTDA đó là Xây dựng trường mầm non bản Xốp Nặm, kết quả đến nay chưa thực hiện được, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

- *Đất cơ sở thể dục thể thao*: Theo kế hoạch diện tích đất cơ sở thể dục thể thao năm 2023 là 14,48 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 13,98 ha; giảm 0,50 ha so với kế hoạch được duyệt.

Trong năm 2023, huyện dự kiến giảm 0,06 ha để thực hiện 01 CTDA đó là Xây dựng nhà văn hoá bản Bay, xã Nga My, đến nay chưa thực hiện được, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

Đồng thời trong năm 2023, huyện dự kiến tăng 0,56 ha để thực hiện 01 CTDA đó là Xây dựng sân vận động xã Lưu Kiên, đến nay đã thực hiện được, đạt 100% kế hoạch đề ra.

- *Đất công trình năng lượng*: Theo kế hoạch diện tích đất công trình năng lượng năm 2023 là 6.128,49 ha, diện tích xác định đến 31/12/2023 là 6.127,76 ha, thấp hơn so với kế hoạch được duyệt 0,73 ha.

Năm 2023 toàn huyện dự kiến thực hiện 08 CTDA diện tích 18,08 ha. Kết quả đến nay đã thực hiện được 03 CTDA với diện tích 6,47 ha (trong đó có 01 công trình thực hiện thủ tục giao đất với diện tích 6,00 ha), còn 07 CTDA với diện tích 17,48 ha chưa thực hiện được tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024 là 05 CTDA (diện tích 0,13 ha), còn lại 02 CTDA đề xuất huỷ bỏ do chưa đủ căn cứ pháp lý để thực hiện năm 2024 (diện tích 17,35 ha).

Diện tích chênh lệch do điều chỉnh số liệu thống kê năm 2023.

- *Đất bưu chính, viễn thông*: Theo kế hoạch diện tích đất bưu chính, viễn thông năm 2023 là 3,50 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 3,50 ha.

- *Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2023 là 6,26 ha; thực hiện đến 31/12/2023 là 6,26 ha.

Năm 2023, không có CTDA nào đất bãi thải, xử lý chất thải trên địa bàn huyện.

- *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa năm 2023 là 228,79 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 228,79 ha, giữ nguyên so với kế hoạch đề ra do không bố trí CTDA nào thực hiện trong năm 2023.

- *Đất cơ sở dịch vụ về xã hội*: Theo kế hoạch diện tích đất cơ sở dịch vụ về xã hội năm 2023 là 11,67 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 11,67 ha.

Năm 2023, không có CTDA nào đất cơ sở dịch vụ xã hội.

- *Đất chợ*: Theo kế hoạch diện tích đất chợ năm 2023 là 1,31 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 1,31 ha.

Năm 2023, không có CTDA nào đất chợ trên địa bàn huyện.

*** Đất sinh hoạt cộng đồng**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2023 là 12,02 ha; thực hiện đến 31/12/2023 là 11,04 ha, giảm 0,98 ha so với kế hoạch được phê duyệt.

Năm 2023, huyện dự kiến thực hiện 04 CTDA với diện tích 0,98 ha, đến nay chưa thực hiện được, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

*** Đất ở tại nông thôn**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất ở nông thôn năm 2023 là 500,01 ha; thực hiện đến 31/12/2023 là 491,16 ha, giảm 8,85 ha so với kế hoạch được phê duyệt.

Năm 2023, huyện dự kiến tăng 10,57 ha để thực hiện 02 CTDA, kết quả chưa thực hiện được, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

Đồng thời trong năm 2023, toàn huyện dự kiến giảm 1,76 ha để thực hiện 04 CTDA, kết quả đến nay chưa thực hiện được CTDA nào, đề nghị tiếp tục chuyển tiếp sang năm 2024.

Diện tích chênh lệch do điều chỉnh số liệu thống kê năm 2023.

*** Đất ở đô thị**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất ở tại đô thị năm 2023 là 54,93 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 54,22 ha, thấp hơn 0,71 ha so với kế hoạch đề ra.

Năm 2023, toàn huyện dự kiến thực hiện 02 CTDA đó là dự án Chia lô đất ở tại thị trấn Thạch Giám (giáp khu TĐC Vườn Xoài, xung quanh hồ bơi Hòa Bình, đoạn đường tại khối Hòa Đông, Trung tâm Y tế cũ, khối Hòa Tây, khối Hòa Bắc, khối Hòa Nam, đôi diện NVH cộng đồng TT) và dự án chuyển mục đích trong khu dân cư với diện tích 0,89 ha. Kết quả đến nay chưa thực hiện được CTDA nào, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

Đồng thời, trong năm 2023, huyện dự kiến giảm 0,01 ha để thực hiện 01 CTDA, đó là Dự án Giảm trạm biến áp, bổ sung xuất tuyến giảm bán kính cấp điện, giảm TTĐN khu vực huyện Tân Kỳ, Con Cuông, Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đến nay đã thực hiện được, đạt 100,00% kế hoạch đề ra.

Diện tích chênh lệch do điều chỉnh số liệu thống kê năm 2023.

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 11,98 ha. Đến ngày 31/12/2023 diện tích là 10,32 ha, thấp hơn 1,66 ha so với kế hoạch được duyệt.

Năm 2023, toàn huyện dự kiến tăng 1,66 ha để thực hiện 04 CTDA, cụ thể là Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Thắng, huyện Tương Dương; Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương; Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Nhân Mai, huyện Tương Dương; Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tam Hợp, huyện Tương Dương.

Kết quả đến nay huyện đã thực hiện được 01 CTDA đó là Dự án Xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Thắng, huyện Tương Dương, với diện tích 0,32 ha, đạt 19,28%; còn lại 03 CTDA với diện tích 1,34

ha huyện tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024.

Diện tích chênh lệch do điều chỉnh số liệu thống kê năm 2023.

*** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2023 là 15,14 ha; thực hiện đến 31/12/2023 là 15,14 ha, không thay đổi so với kế hoạch được duyệt.

*** Đất cơ sở tín ngưỡng**

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng của huyện là 6,18 ha, diện tích xác định đến 31/12/2023 là 6,18 ha, không thay đổi so với kế hoạch đề ra.

*** Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối**

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2023 là 915,24 ha; thực hiện đến 31/12/2023 là 915,19 ha, không thay đổi so với kế hoạch đề ra.

1.3. Phân tích đất chưa sử dụng

Bảng 2.4. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tương Dương (nhóm đất chưa sử dụng)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
3	Đất chưa sử dụng	CSD	4.968,13	4.973,83	5,70	100,11

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất chưa sử dụng năm 2023 là 4.968,13 ha; diện tích xác định đến 31/12/2023 là 4.973,83 ha, lớn hơn 5,70 ha so với kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân lớn hơn do trong năm 2023, toàn huyện dự kiến đưa 1,77 ha đất chưa sử dụng vào thực hiện 03 CTDA đó là Xây dựng đội sản xuất 10, Đoàn kinh tế quốc phòng 4; Xây dựng dự án cấp điện Nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Nghệ An; Xây dựng nhà văn hoá bản Tùng Hương. Kết quả đến nay chưa thực hiện được, đề xuất chuyển sang năm 2024.

2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.1. Kết quả đạt được

Trong năm 2023, toàn huyện Tương Dương thực hiện xong 04/39 CTDA

(Trong đó có 01 CTDA thực hiện thủ tục giao đất) được phê duyệt tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 và Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, đạt tỷ lệ 10,25% về số lượng công trình dự án.

2.2. Tồn tại

Bên cạnh 04 công trình, dự án đã thực hiện xong, thì còn 30 công trình, dự án chưa thực hiện, tiếp tục đề xuất chuyển tiếp sang năm 2024; còn lại 05 công trình dự án đề xuất hủy bỏ do chưa bố trí được nguồn vốn và pháp lý thực hiện năm 2024 (chi tiết các công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp và hủy bỏ có tại phụ lục 02 và 03 kèm theo báo cáo).

Đánh giá tồn tại cụ thể như sau:

- Quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 còn phát sinh các công trình, dự án.

- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện, xã chưa sát với kế hoạch được duyệt.

- Một số dự án triển khai chậm, trên địa bàn vẫn còn tình trạng chủ đầu tư sử dụng đất chưa hiệu quả.

- Tình trạng sử dụng đất một số ngành, lĩnh vực chưa bám kế hoạch sử dụng đất được duyệt gây ảnh hưởng đến tâm lý sản xuất của người dân.

- Một số công trình tuy đã có đăng ký sử dụng đất nhưng chưa có nguồn vốn đầu tư nên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa thực hiện được.

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ở một số xã gặp nhiều khó khăn, làm chậm tiến độ xây dựng.

3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

- Việc tuân thủ quy định, quy trình; chưa có sự quan tâm đầu tư đúng mức trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện lập kế hoạch.

- Nhận thức của cấp xã trong việc lập kế hoạch không cao, năng lực chuyên môn của cơ quan tư vấn, trách nhiệm của cơ quan thẩm định, việc công bố, công khai, tiếp thu ý kiến góp ý.

Phân tích kết quả thực hiện thì còn có một số chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp, phi nông nghiệp chưa đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Các dự án trong kế hoạch đăng ký nhiều hơn so với khả năng nguồn vốn

được cân đối và các thủ tục cần có chưa hoàn thành kịp thời.

- Do ảnh hưởng của cuộc suy thoái kinh tế, thị trường bất động sản trầm lắng nên việc đầu tư của các doanh nghiệp, của Nhà nước đều giảm dẫn đến một số dự án lớn chậm triển khai, chậm đưa vào hoạt động.

- Các ban, ngành chưa tập trung cao chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện đã được phê duyệt.

- Nhận thức của cấp xã, thị trấn trong việc lập kế hoạch không cao, chưa coi trọng chỉ đạo để tiến hành tốt việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo đúng quy định và đúng thời gian.

- Chưa có sự gắn kết giữa KHSDĐ với kế hoạch phát triển KTXH, kế hoạch phát triển các ngành lĩnh vực.

- Tình hình tác động bởi thiên tai, của biến đổi khí hậu cũng có tác động đến kế hoạch sử dụng đất.

- Một số chính sách về đất đai như: khung giá đất để áp dụng thu tiền khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định hiện nay chưa sát với giá thị trường, chính sách đền bù cho người dân có đất bị thu hồi chưa thỏa đáng... có ảnh hưởng rất lớn đối với việc chuyển sang mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp và thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện.

Phần III

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Trong năm 2023, có nhiều dự án đã được phê duyệt kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện được, nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng này là thiếu vốn và một số dự án chưa thu hồi được đất để giải phóng mặt bằng. Một số công trình dự án xác định trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhưng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện được chuyển sang năm 2024. *Tổng số có 30 công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký chuyển sang kế hoạch sử dụng đất 2024.*

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2024

Kết quả điều tra tổng hợp trên địa bàn huyện trong năm kế hoạch 2023 đăng ký chuyển tiếp thực hiện sang năm 2024 là 30 công trình, dự án. Kế hoạch năm 2024 toàn huyện có 07 CTDA (trong đó có 01 CTDA thực hiện thủ tục giao đất)

(Chi tiết Danh mục công trình/dự án có nhu cầu sử dụng đất năm 2024 thể hiện tại Biểu 10/CH và phụ biểu 02, phụ biểu 02/CH, 04/CH).

a) Tổng hợp, phân tích, nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp

Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp được phân tích, tổng hợp trên cơ sở số liệu; diện tích đất nông nghiệp thu hồi, chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các công trình, dự án; diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích trong nhóm đất nông nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp năm 2024 trên địa bàn huyện như sau:

* Đất trồng lúa

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất trồng lúa là 4.250,69 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 4.249,89 ha; giảm 0,80 ha so với hiện trạng. Trong đó:

- Diện tích giữ nguyên so với hiện trạng 4.249,89 ha.

- Chuyển mục đích sử dụng 0,80 ha để thực hiện Dự án: Cấp điện Nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Nghệ An; Xây dựng nhà văn hoá cộng đồng bản Văng Lin, xã Yên Thắng.

* Đất trồng cây hàng năm khác

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 1.777,42 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1.776,75 ha; giảm 0,67 ha so với hiện trạng. Trong đó:

- Diện tích giữ nguyên hiện trạng là 1.776,75 ha.

- Trong năm kế hoạch giảm 0,67 ha để thực hiện 02 CTDA đó là Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Nhôn Mai, huyện Tương Dương và Xây dựng trụ sở công an xã Tam Thái.

*** Đất trồng cây lâu năm**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất trồng cây lâu năm là 1.318,96 ha, diện tích xác định theo kế hoạch năm 2024 là 1.311,14 ha, giảm 7,82 ha so với hiện trạng. Trong đó:

- Diện tích giữ nguyên hiện trạng là 1.311,14 ha.

- Chuyển mục đích sử dụng 7,82 ha để thực hiện một số công trình dự án, cụ thể là Dự án cấp điện Nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Nghệ An; Dự án xây dựng đội sản xuất 10, Đoàn kinh tế quốc phòng 4; Dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu thị trấn Thạch Giám, huyện Tương Dương; Xây dựng khu luyện tập chuyên trạng thái sẵn sàng chiến đấu và sở chỉ huy diễn tập phòng thủ huyện; Cầu bản Xốp Kho xã Nga My, Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương,...

*** Đất rừng phòng hộ**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất rừng phòng hộ là 93.469,37 ha, diện tích xác định theo kế hoạch năm 2024 là 93.439,97 ha, thấp hơn 29,40 ha so với hiện trạng.

- Diện tích không thay đổi mục đích 93.439,97 ha.

- Chuyển mục đích 29,40 ha để thực hiện 03 công trình dự án, cụ thể là Dự án: Cấp điện Nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Nghệ An; Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương; Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương.

*** Đất rừng đặc dụng**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất rừng đặc dụng là 39.496,81 ha, diện tích xác định theo kế hoạch năm 2024 là 39.496,81 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

*** Đất rừng sản xuất**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất rừng sản xuất là 126.537,39 ha, diện tích xác định theo kế hoạch năm 2024 là 126.515,75 ha, giảm 21,64 ha so với hiện trạng. Trong đó:

- Diện tích giữ nguyên hiện trạng là 126.515,75 ha.

- Chuyển mục đích sử dụng 21,64 ha để thực hiện các CTDA bao gồm:
 - + Dự án xây dựng đội sản xuất 10, Đoàn kinh tế quốc phòng 4;
 - + Dự án Cấp điện Nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Nghệ An;
 - + Cải tạo nâng cấp QL7A đoạn Km0-Km36 và xử lý sạt trượt do bão lũ đoạn Khe Thoi-Nậm Cẩn;
 - + Dự án Xuất tuyến 110kV sau TBA Tương Dương;
 - + Dự án đường dây 220kV Tương Dương - Đô Lương trên địa bàn huyện Tương Dương - Tỉnh Nghệ An;
 - + Xây dựng khu luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu và sở chỉ huy diễn tập phòng thủ huyện;
 - + Dự án khu tái định cư Khe Hộc, bản Huồi Púng, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương;...

*** Đất nuôi trồng thủy sản**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 43,64 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 43,64 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

*** Đất nông nghiệp khác**

Năm 2023, đất nông nghiệp khác là 0,50 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 0,50 ha, giữ nguyên so với hiện trạng.

Bảng 3.1. Chỉ tiêu nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2023	Diện tích năm 2024	Tăng (+) Giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	NNP	266.894,79	266.834,47	-60,33
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.250,69	4.249,89	-0,80
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	846,82	846,20	-0,62
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.777,42	1.776,75	-0,67
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.318,96	1.311,14	-7,82
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	93.469,37	93.439,97	-29,40
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	39.496,81	39.496,81	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	126.537,39	126.515,75	-21,64
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	43,64	43,64	-
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,50	0,50	-

(Chi tiết theo từng xã, thị trấn xem tại Biểu 06/CH)

b) Tổng hợp, phân tích, nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp

Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp được phân tích dựa trên cơ sở số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2023 và nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp của các ngành lĩnh vực; các xã, thị trấn. Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp của huyện Tương Dương năm 2024 như sau:

*** Đất quốc phòng**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất quốc phòng là 66,89 ha, kế hoạch năm 2024 có diện tích là 78,37 ha tăng 11,48 ha so với hiện trạng. Trong đó:

- Diện tích đất quốc phòng không thay đổi so với hiện trạng là 69,49 ha.
- Trong năm kế hoạch, diện tích tăng 11,88 để thực hiện 02 CTDA, đó là Dự án xây dựng đội sản xuất 10; Đoàn kinh tế quốc phòng 4; Xây dựng khu luyện tập chuyên trạng thái sẵn sàng chiến đấu và sở chỉ huy diễn tập phòng thủ huyện; và 02 CTDA thực hiện thủ tục giao đất đó là Xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện/ Ban CHQS huyện Tương Dương; Xây dựng Đồn biên phòng Tam Hợp.
- Đồng thời, trong năm kế hoạch, diện tích giảm 0,40 ha để thực hiện 01 CTDA chuyển tiếp sang đó là Dự án xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Tam Hợp, huyện Tương Dương.

*** Đất an ninh**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất an ninh là 1,45 ha, diện tích xác định đến năm 2024 là 1,75 ha cao hơn 0,30 ha so với hiện trạng. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 1,45 ha.

Trong năm kế hoạch diện tích đất an ninh tăng 0,30 ha để thực hiện 03 công trình dự án đó là Xây dựng trụ sở công an xã Yên Hoà, xã Tam Thái, xã Yên Thắng.

*** Đất thương mại, dịch vụ**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 2,41 ha, diện tích xác định đến năm 2024 là 2,47 ha, tăng 0,06 ha so với hiện trạng.

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất là 2,41 ha;
- Trong năm kế hoạch diện tích đất thương mại, dịch vụ tăng 0,06 ha để thực hiện 01 CTDA cụ thể là dự án: Xây dựng cửa hàng xăng dầu thị trấn

Thạch Giám, huyện Tương Dương.

*** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Hiện trạng năm 2023 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 6,20 ha, năm 2024 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không thay đổi so với hiện trạng.

*** Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản**

Hiện trạng năm 2023 diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là 18,66 ha. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 không bố trí đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, không thay đổi diện tích so với hiện trạng.

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**

Hiện trạng năm 2023 diện tích đất sử dụng cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 1,41 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1,41 ha, giữ nguyên so với hiện trạng.

*** Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã**

Hiện trạng năm 2023 diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 7.309,27 ha, đến năm 2024 là 7.349,28 ha, tăng 40,01 ha. Trong đó:

- Đất giao thông:

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất giao thông là 810,71 ha, kế hoạch năm 2024 diện tích đất giao thông là 850,19 ha; cao hơn 39,48 so với hiện trạng.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 810,71 ha.

Trong năm kế hoạch diện tích đất giao thông tăng 39,48 ha để thực hiện 03 công trình dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang và 02 công trình dự án đăng kí mới năm 2024, cụ thể là Dự án Cải tạo nâng cấp QL7A đoạn Km0-Km36 và xử lý sạt trượt do bão lũ đoạn Khe Thoi-Nậm Cẩn; Cơ sở cai nghiện ma tuý bắt buộc số III tỉnh Nghệ An (Đường giao thông đi vào Cơ sở cai nghiện); Cầu bản Xốp Kho, xã Nga My; Đường giao thông từ bản Pà Kháo, xã Mai Sơn huyện Tương Dương đến cột mốc 390; Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương.

- Đất thủy lợi:

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất thủy lợi là 35,56 ha, kế hoạch năm 2024 diện tích đất thủy lợi là 35,61 ha, cao hơn 0,05 ha so với hiện trạng.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 35,56 ha.

Trong năm kế hoạch, diện tích tăng 0,05 ha để thực hiện 01 CTDA đó là Xây dựng đập thủy lợi Văng Lin, xã Yên Thắng.

- *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:*

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hoá là 0,83 ha. Diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 0,83 ha; giữ nguyên so với hiện trạng.

- *Đất xây dựng cơ sở y tế:*

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 6,61 ha. Diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 6,61 ha, không thay đổi so với hiện trạng.

- *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:*

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo là 62,31 ha, diện tích xác định đến kế hoạch năm 2024 là 62,41 ha, thấp hơn 0,10 ha so với hiện trạng.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 61,87 ha.

Trong năm kế hoạch diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo giảm 0,44 ha để thực hiện 03 công trình dự án, đó là dự án trụ sở công an xã Yên Hoà; Xây dựng nhà văn hoá cộng đồng bản Púng, xã Lưu Kiên; Xây dựng nhà văn hoá cộng đồng bản Xóp Cốc, xã Yên Thắng.

- Đồng thời trong năm kế hoạch diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo tăng 0,54 ha để thực hiện 02 CTDA đó là dự án Xây dựng trường mầm non bản Xóp Nặm; Xây dựng trường PTDTBT tiểu học Nga My.

- *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:*

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao là 13,98 ha, diện năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 13,92 ha, thấp hơn 0,06 ha so với hiện trạng.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 13,92 ha.

Trong năm kế hoạch diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao giảm 0,06 ha để thực hiện 01 CTDA đó là Dự án Xây dựng nhà văn hoá bản Bay, xã Nga My.

- *Đất công trình năng lượng*

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất công trình năng lượng là 6.127,76 ha. Diện tích xác định đến kế hoạch năm 2024 là 6,128,19 ha giảm 0,44 ha so với

hiện trạng.

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 6.127,76 ha.

Diện tích tăng 0,44 ha để thực hiện các công trình, dự án cụ thể như sau:
Dự án: Cấp điện Nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Nghệ An; Dự án Xuất tuyến 110kV sau TBA Tương Dương; Dự án đường dây 220kV Tương Dương - Đô Lương trên địa bàn huyện Tương Dương - Tỉnh Nghệ An; Sửa chữa chống sạt lở móng cột vị trí 02 tuyến đường dây 220kV Bản Vẽ -Đô Lương (271 A15.0- 74 E15.10);...

- *Đất công trình bưu chính viễn thông:*

Hiện trạng năm 2023 diện tích đất bưu chính viễn thông là 3,50 ha, năm 2024 đất công trình bưu chính viễn thông không thay đổi so với hiện trạng.

- *Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 6,26 ha, diện tích năm 2024 diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải không thay đổi so với năm hiện trạng.

- *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa là 228,79 ha, năm 2024 diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa là 228,79 ha; không thay đổi mục đích so với hiện trạng.

- *Đất cơ sở dịch vụ về xã hội:*

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất cơ sở dịch vụ về xã hội là 11,67 ha; năm 2024 diện tích đất cơ sở dịch vụ về xã hội không thay đổi so với hiện trạng.

- *Đất chợ:*

Hiện trạng năm 2023 diện tích đất chợ là 1,31 ha, năm 2024, diện tích đất chợ không thay đổi so với hiện trạng.

*** Đất sinh hoạt cộng đồng**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 11,04 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 12,42 ha, cao hơn 1,38 ha so với hiện trạng năm 2024.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng là 11,04 ha.

- Trong năm kế hoạch, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng tăng 1,38 ha để thực hiện 06 CTDA, đó là dự án nhà văn hóa bản Bay, xã Nga My; Xây dựng nhà văn hoá bản Tùng Hương, xã Tam Quang; Xây dựng nhà văn hoá cộng đồng bản Văng Lin, xã Yên Thắng; Xây dựng nhà văn hoá cộng đồng bản Púng, xã Lưu

Kiến; Xây dựng nhà văn hoá cộng đồng bản Lùom, xã Yên Thắng; Xây dựng nhà văn hoá cộng đồng bản Xốp Cốc, xã Yên Thắng.

*** Đất ở tại nông thôn**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất ở tại nông thôn là 491,16 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 501,22 ha, tăng 10,06 ha so với hiện trạng. Trong đó:

- Diện tích 490,65 ha không thay đổi mục đích sử dụng đất.
- Diện tích giảm 0,51 ha để thực hiện 02 CTDA Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương; Xây dựng trường mầm non bản Xốp Nặm.
- Đồng thời diện tích tăng 10,57 ha để thực hiện 02 CTDA đó là Dự án khu tái định cư Khe Hộc, bản Huồi Púng, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương; Chuyển mục đích đất ở trong khu dân cư .

*** Đất ở tại đô thị**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất ở đô thị là 54,22 ha; diện tích xác định đến năm 2024 là 54,51 ha; tăng 0,29 ha so với hiện trạng năm 2023.

Diện tích không thay đổi so với hiện trạng là 53,62 ha.

Trong năm kế hoạch 2024, diện tích giảm 0,60 ha để thực hiện 01 CTDA đó là Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số III tỉnh Nghệ An (Đường giao thông đi vào Cơ sở cai nghiện).

Đồng thời trong năm 2024, diện tích tăng 0,89 ha để thực hiện 02 CTDA đó là Chia lô đất ở tại thị trấn Thạch Giám (giáp khu TĐC Vườn Xoài, xung quanh bể bơi Hòa Bình, đoạn đường tại khối Hòa Đông, Trung tâm Y tế cũ, khối Hòa Tây, khối Hòa Bắc, khối Hòa Nam, đổi diện NVH cộng đồng TT); Chuyển mục đích đất vườn liền kề sang đất ở.

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 10,32 ha; năm 2024 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 11,66 ha, tăng 1,34 ha so với hiện trạng năm 2022.

Diện tích không thay đổi so với hiện trạng là 10,32 ha.

Trong năm kế hoạch, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 1,34 ha để thực hiện 03 công trình dự án chuyển tiếp từ năm 2023 sang, cụ thể đó là Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương; Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Nhôn Mai, huyện Tương Dương; Xây dựng trụ sở làm việc Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Tam Hợp, huyện

Tương Dương.

*** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp**

Hiện trạng năm 2023 diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 15,14 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 15,14 ha, giữ ổn định so với hiện trạng năm 2023.

*** Đất cơ sở tín ngưỡng**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng là 6,18 ha, năm 2024 diện tích đất cơ sở tín ngưỡng không thay đổi so với hiện trạng.

*** Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối**

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 915,19 ha. năm 2024 diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 912,38 ha; giảm 2,81 ha so với hiện trạng.

Trong năm kế hoạch diện tích giảm 2,81 ha để thực hiện 02 CTDA Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhân Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương và Đập thủy lợi Vãng Lin.

Bảng 3.2. Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2023	Diện tích năm 2024	Tăng (+), giảm (-)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.909,56	8.971,67	62,11
2.1	Đất quốc phòng	CQP	66,89	78,37	11,48
2.2	Đất an ninh	CAN	1,45	1,75	0,30
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,41	2,47	0,06
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	6,20	6,20	-
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	18,66	18,66	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,41	1,41	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	7.309,27	7.349,28	40,01
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,04	12,42	1,38
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	491,16	501,22	10,06
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	54,22	54,51	0,29
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,32	11,66	1,34
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	15,14	15,14	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	6,18	6,18	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2023	Diện tích năm 2024	Tăng (+), giảm (-)
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	915,19	912,38	-2,81
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC			
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			

(Chi tiết theo từng xã, thị trấn Biểu 06/CH)

c) Đất chưa sử dụng

Hiện trạng năm 2023, diện tích đất chưa sử dụng là 4.973,83 ha. Diện tích xác định xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 4.972,05 ha, thấp hơn 1,78 ha so với hiện trạng.

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 4.972,05 ha.

Diện tích giảm 1,78 ha để thực hiện 04 công trình dự án, cụ thể là công trình xây dựng dự án cấp điện Nông thôn từ lưới điện quốc gia, tỉnh Nghệ An; Xây dựng đội sản xuất 10, Đoàn kinh tế quốc phòng 4; Xây dựng nhà văn hoá bản Tùng Hương, xã Tam Quang; Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhân Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương.

3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Để thực hiện được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng thì ngoài khai thác quỹ đất chưa sử dụng, phải lấy thêm từ các loại đất đang sử dụng. Kế hoạch năm 2024 sẽ chuyển 66,94 ha đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp:

Bảng 3.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	60,33
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,80
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0,62</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,67
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	7,82
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	29,40
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	21,64
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	-
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR ^(a)	-
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RDD/NKR ^(a)	-
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR ^(a)	-
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-

(Chi tiết từng xã, thị trấn xem tại Biểu 07/CH phần phụ lục)

3.4. Diện tích đất cần thu hồi

Để phục vụ việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất có hiệu quả, cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên trong năm 2024 có nhu cầu thu hồi một số loại đất như sau:

Bảng 3.4. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	57,27
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,80
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>0,62</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,67
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4,76
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	29,40
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	21,64
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5,32
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,40
2.2	Đất an ninh	CAN	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,50
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,51
2.14	Đất ở đô thị	ODT	0,60
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở cơ của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2,81
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

(Chi tiết theo từng xã, thị trấn xem tại Biểu 08/CH phần phụ lục)

3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Để phục vụ việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất có hiệu quả, cần đưa đất chưa sử dụng vào xây dựng một số CTDA trong năm 2024:

Bảng 3.5. Kế hoạch đưa đất chưa sử vào sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(29)
1	Đất nông nghiệp	NNP	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,78
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,45
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,03
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,30
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

(Chi tiết theo từng xã, thị trấn xem tại Biểu 09/CH phần phụ lục)

3.6. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

Việc tính toán chi phí bồi thường của các công trình/dự án trong Kế hoạch sử dụng đất chỉ tính toán về bồi thường đất và hỗ trợ về đất; các chi phí về bồi thường tài sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình khác, mồ mả, cây cối, hoa màu,... chưa được tính toán; việc tính toán các chi phí này sẽ được tính toán cụ thể, chi tiết khi triển khai lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của chủ đầu tư công trình/dự án, phải phối hợp...

Việc tính toán các khoản thu từ bán quyền sử dụng đất ở sẽ kéo dài nhiều năm mới có được số tiền dự toán, tiền cho thuê đất sẽ thu hàng năm sau khi hết

thời hạn ưu đãi. Nhưng chi phí bồi thường đất phải có bố trí trong năm 2021 và dự toán thu chi chi mang tính khái toán, có độ chính xác không cao nhưng có đủ cơ sở để các chủ đầu tư xác định được nguồn vốn phải cần có để thực hiện bồi thường, thu hồi chuyên mục đích sử dụng đất.

Bảng 3.6. Dự kiến thu chi ngân sách kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (nghìn đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)
I. CÁC KHOẢN THU CHỦ YẾU			
Thu tiền khi giao đất ở đô thị	1,32	3.000	40
Thu tiền khi giao đất ở nông thôn	13,61	1.000	136
Thu từ cho thuê đất phi nông nghiệp	0,00	700	0
Tổng thu			176
II. CÁC KHOẢN CHI CHỦ YẾU			
Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm	2,26	55	1
Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	9,50	55	5
Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	3,02	55	2
Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị	0,01	2.500	0
Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn	0,10	1.000	1
Chi bồi thường đất sản xuất kinh doanh	0,00	2.000	0
Chi xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn (dưới 35% thu từ đất đấu giá)			61
Tổng chi			71
CÂN ĐỐI THU - CHI (I-II)			105

PHẦN IV

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện Tương Dương trong năm 2024. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được UBND tỉnh phê duyệt, cần phải thực hiện các giải pháp như sau:

4.1. Giải pháp về tuyên truyền

Sau khi kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện Tương Dương tổ chức công khai kế hoạch tại UBND huyện và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Lồng ghép nội dung kế hoạch sử dụng đất với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết kế hoạch, thực hiện đúng kế hoạch được duyệt.

4.2. Giải pháp về nguồn lực, vốn đầu tư

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai, đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở các vị trí đắc địa, khu vực các trục giao thông, trung tâm thị tứ, các chợ, đất ở tại đô thị để tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ....

- Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các khu vui chơi giải trí nông thôn.

4.3. Giải pháp về chính sách

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, các nhân bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các cơ sở SXKD đã thu hồi đất.

- Áp dụng đầy đủ, các chính sách pháp luật về đất đai để được nhiều đối tượng tham gia vào thị trường bất động sản, người thu nhập thấp, đối tượng chính sách, hộ nghèo cũng được hưởng lợi để sớm lấp đầy các khu đất ở, an sinh xã hội và đó cũng là nguồn thu ngân sách quan trọng.

- Khuyến khích nhân dân được chuyển mục đích sử dụng đất những thửa đất đan xen, có diện tích nhỏ phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai để thuận lợi trong quản lý và có nguồn thu ngân sách.

- Phát huy chính sách liên kết đầu tư giữa các doanh nghiệp và nhân dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất nhất là lĩnh vực trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, sản xuất nông sản hàng hóa.

- Vấn đề bồi thường đất đai cần phải được thực hiện công khai, thực hiện đúng trình tự theo qui định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định bảng giá nhà nước.

4.4. Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phối hợp chặt chẽ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tương Dương để thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất.. và ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

- Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án.

- Xây dựng phương án đấu giá Quyền sử dụng đất đối với đất ở tại đô thị, đất thương mại dịch vụ để tăng nguồn thu ngân sách, giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các đối tượng chính sách, người có thu nhập thấp, hộ nghèo công nhân viên chức, lực lượng vũ trang có nhu cầu đất ở để ổn định cuộc sống, yên tâm công tác.

- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không đúng quy hoạch đã được duyệt; việc sử dụng đất đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả đặc biệt đối với diện tích đất trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

- UBND các xã, thị trấn Hòa Bình căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện Tương Dương đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính cấp mình, thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý đất đai tại cơ sở để giúp cho UBND các cấp, cơ quan Tài nguyên Môi trường làm tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai .

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Tương Dương cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất đai cho phát triển các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện.

Có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời là công cụ quan trọng để các xã, thị trấn trong huyện thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã xử lý, tổng hợp được hầu hết các nghiên cứu, đề án và phương hướng phát triển của các cấp, các ngành từ Trung ương, tỉnh, huyện và các xã, thị trấn trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai. Đảm bảo được tính thực tiễn và có tính khả thi.

Để đảm bảo cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nông nghiệp tiếp tục có xu hướng giảm, nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất sẽ nâng hiệu quả sử dụng đất đảm bảo an ninh lương thực.

Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực. Đáp ứng được nhu cầu của người dân địa phương và đảm bảo mục tiêu đô thị hoá.

Các loại đất phát triển cơ sở hạ tầng khác như đất giao thông, thuỷ lợi đến quốc phòng an ninh, nghĩa trang, nghĩa địa... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của các xã, thị trấn.

II. Kiến nghị

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, UBND huyện Tương Dương kiến nghị tỉnh, các Sở ban ngành một số vấn đề sau:

- Tỉnh, các Sở ban ngành quan tâm chỉ đạo, đầu tư kinh phí để thực hiện đồng bộ các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch sử dụng đất của huyện.

- Đầu tư, hỗ trợ kinh phí để huyện đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính; cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; lập quy hoạch bảo vệ môi trường; xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý rác thải, nước thải và bảo vệ môi trường.

